**CHƯƠNG I**

**Dễ.**

***Câu 1***: Tổng thể bộc lộ là tổng thể không có ranh giới rõ ràng, không thể nhận biết hết các đơn vị bằng trực quan.

***Câu 2***: Tổng thể đồng chất là tổng thể bao gồm các đơn vị có nhiều đặc điểm chủ yếu khác nhau.

***Câu 3***: Tổng thể bộ phận bao gồm tất cả các đơn vị thuộc phạm vi nghiên cứu.

***Câu 4****:* Tổng thể chung là tổng thể chỉ bao gồm một số các đơn vị thuộc phạm vi hiện tượng nghiên cứu.

***Câu 5***: Tổng thể bộ phận bao gồm tất cả các đơn vị thuộc phạm vi nghiên cứu.

***Câu 6****:* Tổng thể chung là tổng thể chỉ bao gồm một số các đơn vị thuộc phạm vi hiện tượng nghiên cứu.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 1***: Sai. Tổng thể bộc lộ là tổng thể có ranh giới rõ ràng, có thể nhận biết hết các đơn vị bằng trực quan

***Câu 2***: Sai, vì Tổng thể đồng chất là tổng thể bao gồm các đơn vị giống nhau về một số đặc điểm chủ yếu có liên quan tới mục đích nghiên cứu.

***Câu 3***: Sai, vì: Tổng thể bộ phận chỉ bao gồm một số các đơn vị thuộc phạm vi hiện tượng nghiên cứu.

***Câu 4****:* Sai, vì Tổng thể chung là tổng thể bao gồm tất cả các đơn vị thuộc phạm vi hiên tượng nghiên cứu

***Câu 5:*** Sai. *Vì* Tiêu thức thuộc tính là tiêu thức không có biểu hiện trực tiếp là các con số, nó được biểu hiện bằng các thuật ngữ, lời văn.

***Câu 6***: Sai. *Vì* Tiêu thức số lượng là tiêu thức có biểu hiện trực tiếp là các con số, mỗi con số này được gọi là một lượng biến.

**Phần I: Nội dung câu hỏi, bài tập**

***Câu 7***: Tổng sản phẩm sản xuất, tổng giá trị sản xuất, tổng mức luân chuyển hàng hoá là các chỉ tiêu phản ảnh chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh.

***Câu 8***: Các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất là giá thành đơn vị sản phẩm sản xuất, tổng chi phí sản xuất.

***Câu 9:*** Các chỉ tiêu phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh là năng suất lao động, giá cả hang hoá, tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm quốc gia.

***Câu 10***: Yêu cầu của điều tra thống kê chỉ là đầy đủ về nội dung và số lượng đơn vị điều tra.

***Câu 11***: Điều tra thường xuyên là điều tra mà khi cần thì mới tiến hành thu thập tài liệu tại một thời điểm hay một thời kỳ nào đó.

***Câu 12***: Điều tra không thường xuyên là thu thập tài liệu của các đơn vị một cách liên tục, theo sát với quá trình phát sinh, phát triển của hiện tượng.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 7***: Sai. Vì các chỉ tiêu trên là các chỉ tiêu phản ảnh kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh

***Câu 8***: Sai. *Vì đó* là các chỉ tiêu phản ảnh chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh

***Câu 9:*** Sai. *Vì đó* là các chỉ tiêu phản ảnh hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh

***Câu 10***: Sai. Yêu cầu của điều tra thống kê là phản ánh trung thực tình hình thực tế của các đơn vị **(chính xác),** phản ánh **kịp thờ**i và phản ánh **đầy đủ**.

***Câu 11***: Sai. *Vì*§iÒu tra th­êng xuyªn tiÕn hµnh thu thËp tµi liÖu cña c¸c ®¬n vÞ tæng thÓ mét c¸ch liªn tôc theo s¸t víi qu¸ tr×nh ph¸t sinh ph¸t triÓn cña hiÖn t­îng.

***Câu 12***: Sai. *Vì*§iÒu tra kh«ng th­êng xuyªn tiÕn hµnh thu thËp tµi liÖu cña c¸c ®¬n vÞ tæng thÓ kh«ng liªn tôc, kh«ng g¾n víi qu¸ tr×nh ph¸t sinh ph¸t triÓn cña hiÖn t­îng.

***Câu 13***: Có thể cùng lúc phân tổ thống kê theo nhiều tiêu thức khác nhau.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 13***: Đúng, phân tổ theo nhiều tiêu thức được gọi là phân tổ kết hợp.

**Trung Bình**

***Câu 1:*** Thống kê học là môn khoa học Kinh tế nghiên cứu mặt lượng của các hiện tượng và quá trình Kinh tế trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

***Câu 2***: Đối tượng nghiên cứu của Thống kê học chỉ là các hiện tượng về quá trình tái sản xuất Xã hội.

***Câu 3***: Trường Học viện Ngân hàng là một tổng thể thống kê.

***Câu 4***: Tiêu thức thay phiên là tiêu thức có 2 biểu hiện trên 1 đơn vị tổng thể.

***Câu 5***: Chỉ tiêu thống kê phản ánh lượng của hiện tượng kinh tế xã hội trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 1:*** Sai, vì thống kê là môn **khoa học xã hội** nghiªn cøu ***mÆt l­­îng trong mèi liªn hÖ với mặt chÊt cña hiÖn t­îng vµ qu¸ tr×nh kinh tÕ x· héi sè lín diÔn ra trong ®iÒu kiÖn thêi gian vµ ®i¹ ®iÓm cô thÓ.***

***Câu 2***: Sai, vì đối tượng nghiên cứu của TK không chỉ là các hiện tượng về quá trình tái sản xuất xã hội. Tkª nghiªn cøu c¸c hiÖn t­îng vÒ d©n sè; c¸c hiÖn t­­îng vÒ ®êi sèng v¨n ho¸ vµ vËt chÊt cña nh©n d©n; c¸c hiÖn t­­îng vÒ ®êi sèng chÝnh trÞ x· héi

***Câu 3***: Kh«ng ch¨c ch¾n.

* NÕu HVNH ®øng ®éc lËp nh­ mét tr­êng ®Ó nghiªn cøu, lóc nµy HVNH lµ mét tæng thÓ TKª.
* NÕu HVNH tån t¹i nh­ mét trong c¸c tr­êng §¹i häc, Häc viÖn ®Ó chóng ta nghiªn cøu, løc nµy nã lµ ®¬n vÞ tæng thÓ,

***Câu 4***: Sai. *Vì* Tiêu thức thay phiên là tiêu thức có **2 biểu hiện không trùng nhau** trên 1 đơn vị tổng thể.

***Câu 5***: Sai. *Vì* Chỉ tiêu thống kê phản ánh lượng gắn với chất của các mặt và tính chất cơ bản của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

***Câu 6***: Chỉ tiêu thống kê phản ánh lượng của hiện tượng kinh tế xã hội trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

***Câu 7***: Dân số của Việt Nam vào 0 giờ ngày 01/4/2009 là khoảng 86 triệu người là một chỉ tiêu thống kê.

***Câu 8:*** Báo cáo thống kê định kỳ là hình thức tổ chức điều tra thống kê không thường xuyên.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 6***: Sai. *Vì* Chỉ tiêu thống kê phản ánh lượng gắn với chất của các mặt và tính chất cơ bản của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

***Câu 7***: Kh«ng ch¾c ch¾n.

* NÕu ViÖt Nam ®øng ®éc lËp nh­ mét tæng thÓ nghiªn cøu, d©n sè VN lóc nµy lµ mét chØ tiªu TKª.
* NÕu VN tån t¹i nh­ mét ®¬n vÞ tæng thÓ, d©n sè VN lóc nµy biÓu hiÖn nh­ mät ®Æc ®iÓm cña tiªu thøc sè l­îng, lµ mét l­îng biÕn cña tiªu thøc nghiªn cøu.

***Câu 8:*** Sai. *Vì* báo cáo thống kê định kỳ là hình thức tổ chức điều tra thống kê thường xuyên. Định kỳ hµng th¸ng, qóy, n¨m c¸c xÝ nghiÖp quèc doanh, c¸c c¬ quan thuéc quyÒn qu¶n lý cña Nhµ n­íc ph¶i lËp vµ göi b¸o c¸o theo mÉu biÓu thèng nhÊt lªn c¬ quan qu¶n lý cÊp trªn.

***Câu 9***: Điều tra chuyên môn là hình thức tổ chức điều tra thường xuyên.

***Câu 10***: Ưu điểm của phương pháp thu thập trực tiếp là đỡ tốn kém và nhanh hơn.

***Câu 11***: Ưu điểm của phương pháp thu thập gián tiếp là chất lượng tài liệu điều tra cao hơn phương pháp thu thập trực tiếp.

***Câu 12:*** Điều tra chọn mẫu là một hình thức vận dụng quy luật số lớn?

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 9***: Sai. *Vì:* §iÒu tra chuyªn m«n, mét h×nh thøc tæ chøc ®iÒu tra kh«ng th­êng xuyªn, ®­îc tiÕn hµnh theo mét kÕ ho¹ch vµ ph­¬ng ph¸p qui ®Þnh riªng cho mçi lÇn ®iÒu tra. §iÒu tra chuyªn m«n kh¸c víi b¸o c¸o thèng kª ®Þnh kú ë chç kh«ng th­êng xuyªn tæ chøc thu thËp tµi liÖu, khi nµo cÇn míi tæ chøc thu thËp mét lÇn vµo thêi ®iÓm hoÆc thêi kú nhÊt ®Þnh.

***Câu 10***: Sai. *Vì* Ưu điểm của phương pháp thu thập trực tiếp là chất lượng tài liệu điều tra cao hơn phương pháp thu thập gián tiếp.

***Câu 11***: Sai. *Vì* Ưu điểm của phương pháp thu thập gián tiếp là đỡ tốn kém.

***Câu 12:*** Đúng. ***§iÒu tra chän mÉu*** lµ lo¹i ®iÒu tra kh«ng toµn bé, trong ®ã ng­êi ta chän ra mét sè ®¬n vÞ ®ñ lín trong toµn bé c¸c ®¬n vÞ tæng thÓ ®Ó tiÕn hµnh ®iÒu tra thùc tÕ, råi dïng c¸c kÕt qu¶ thu thËp ®­îc tÝnh to¸n, suy réng thµnh c¸c ®Æc ®iÓm cña toµn bé tæng thÓ.

**KHÓ**

***Câu 1:*** Tiêu thức thống kê là 1 bộ phận của tổng thể thống kê.

***Câu 2:*** Mỗi lượng biến phản ánh lượng gắn với chất của các mặt và tính chất cơ bản của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

***Câu 3:*** Điều tra toàn bộ bao gồm điều tra chọn mẫu, điều tra trọng điểm và điều tra chuyên đề.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 1***: Sai. *Vì C¸c ®Æc ®iÓm cña ®¬n vÞ tæng thÓ mµ thèng kª chän ®Ó nghiªn cøu gäi lµ tiªu thøc thèng kª.* Nh­ vËy tiªu thøc TKª chØ lµ ®Æcc ®iÓm cña ®¬n vÞ tæng thÓ.

Bé phËn cña tæng thÓ chÝnh lµ tæng thÓ bé phËn, vµ ®¬n vÞ tæng thÓ lµ bé phËn nhá nhÊt cña tæng thÓ.

***Câu 2:*** Sai, vì mỗi lượng biến chỉ phản ánh mặt lượng của từng đơn vị của tổng thể. Con số trên là chỉ tiêu thống kê.

***Câu 3***: Sai. *Vì* **§iÒu tra toµn bé** tiÕn hµnh thu thËp tµi liÖu cña toµn thÓ c¸c ®¬n vÞ tæng thÓ chung kh«ng bá sãt bÊt kú mét ®¬n vÞ nµo. Trong điều tra chọn mẫu, điều tra trọng điểm và điều tra chuyên đề chúng ta chỉ chọn ra một số đơn vị để điều tra thực tế, tùy theo từng loại điều tra kết quả điều tra có thể được suy rộng, để nắm tình hình cơ bản của hiện tượng hoặc để rút kinh nghiệm chỉ đạo phong trào

**CHƯƠNG II**

**Trung bình**

***Câu 13***: Nhiệm vụ của phân tổ thống kê là phân chia loại hình kinh tế xã hội và biểu hiện mối liên hệ giữa các tiêu thức.

***Câu 14***: Khi phân tổ theo tiêu thức thuộc tính cứ mỗi biểu hiện của tiêu thức luôn luôn hình thành 1 tổ.

***Câu 15***: Khi phân tổ theo tiêu thức số lượng luôn dùng phân tổ có khoảng cách tổ.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 13***: Sai, vì ngoµi 2 nhiệm vụ trªn, phân tổ thống kê còn có nhiÖm vô biểu hiện kết cấu vµ sù thay ®æi kÕt cÊu của hiện tượng nghiên cứu.

***Câu 14:*** Không ch¾c ch¾n, cßn tùy theo biểu hiện của tiêu thức nghiªn cøu:

- NÕu lo¹i h×nh trong tæng thÓ t­­¬ng ®èi Ýt. Ta cã thÓ coi mçi lo¹i h×nh lµ mét tæ.

- NÕu sè lo¹i h×nh thùc tÕ rÊt nhiÒu cã khi tíi hµng tr¨m hµng ngh×n, nÕu cø coi mçi lo¹i h×nh lµ mét tæ, tæng thÓ nghiªn cøu bÞ chia nhá kh«ng gióp ta nghiªn cøu ®­­îc ®Æc tr­­ng cña tæng thÓ tõ sù kh¸c nhau cña c¸c tæ. Ng­êi ta ph¶i ghÐp mét sè lo¹i h×nh nhá vµo mét tæ

***Câu 15***: Không ch¾c ch¾n, cßn tùy theo biểu hiện vÒ l­îng của tiêu thức nghiªn cøu:

**- NÕu** l­îng biÕn cña tiªu thøc biÕn thiªn Ýt, mçi l­îng biÕn lµ c¬ së cña mét tæ

- Tr­­êng hîp l­­îng biÕn biÕn thiªn lín. Ta kh«ng thÓ ¸p dông c¸ch ph©n tæ trªn ®­îc, v× sÏ cã rÊt nhiÒu tæ vµ sù kh¸c biÖt gi÷a c¸c tæ lµ kh«ng lín. Trong tr­­êng hîp nµy ta cÇn chó ý mèi liªn hÖ gi÷a l­îng vµ chÊt trong ph©n tæ, xem l­îng biÕn tÝch lòy ®Õn mét møc ®é nµo ®ã th× chÊt cña l­­îng biÕn míi thay ®æi vµ lµm n¶y sinh ra mét sè tæ kh¸c. CÇn ph©n tæ cã kho¶ng c¸ch tæ

***Câu 16***: Dãy số phân phối theo tiêu thức thuộc tính phản ánh kết cấu của tổng thể theo một tiêu thức số lượng nào đó.

***Câu 17***: Phân tổ thống kê nghiên cứu mối quan hệ giữa nhiều tiêu thức nguyên nhân và nhiều tiêu thức kết quả.

***Câu 18***: Phân tổ thống kê nghiên cứu mối quan hệ giữa một tiêu thức nguyên nhân và nhiều tiêu thức kết quả.

***Câu 19***: Khi phân tổ có khoảng cách tổ thì giới hạn trên và giới hạn dưới của các tổ kế tiếp nhau có thể giống nhau hoặc khác nhau.

***Câu 20*** : Dãy số phân phối theo tiêu thức số lượng phản ánh kết cấu của tổng thể theo một tiêu thức thuộc tính nào đó.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 16***: Sai, vì dãy số phân phối theo tiêu thức thuộc tính phản ánh kết cấu của tổng thể theo một tiêu thức thuộc tính nào đó

***Câu 17***: Sai,vì Phân tổ thống kê nghiên cứu mối quan hệ giữa nhiều tiêu thức nguyên nhân và một tiêu thức kết quả.

***Câu 18***: Sai,vì Phân tổ thống kê nghiên cứu mối quan hệ giữa nhiều tiêu thức nguyên nhân và một tiêu thức kết quả.

***Câu 19***: Đúng, vì khi phân tổ theo khoảng cách tổ, nếu lượng biến của tiêu thức sắp xếp liên tục thì giới hạn trên của tổ trước trùng với giới hạn dưới của tổ sau liền nó. Ngược lại, giới hạn trên của tổ trước nhỏ hơn giới hạn dưới của tổ sau liền nó.

***Câu 20***: Sai, vì Dãy số phân phối theo tiêu thức số lượng phản ánh kết cấu của tổng thể theo một tiêu thức số lượng nào đó.

***Câu 21***: Mật độ phân phối là tỷ số so sánh giữa trị số khoảng cách tổ với tần số (hoặc tần suất) tổ.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 21***: Sai, vì: Mật độ phân phối là tỷ số so sánh giữa tần số (hoặc tần suất) tổ với trị số khoảng cách

**KHÓ**

***Câu 4***: Tần suất thu được sau khi phân tổ được biểu hiện bằng số tuyệt đối.

***Câu 5***: Sau khi phân tổ tổng thể theo một tiêu thức nào đó, các đơn vị tổng thể được phân phối vào trong các tổ và ta sẽ có một dãy số lượng biến.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 4***: Sai, vì số tuyệt đối thu được ngay sau khi phân tổ được gọi là tần số. Tõ c¸c sè tuyÖt ®èi cña bé phËn vµ cña tæng thÓ, ta cã thÓ tÝnh tû träng cña c¸c bé phËn ®ã, lóc nµy c¸c tÇn sè ®ùợc biÓu hiÖn b»ng sè t­¬ng ®èi vµ ®­îc gäi lµ tÇn suÊt.

***Câu 5***: Không chắc chắn, vì ta có thể dùng tiêu thức phân tổ là tiêu thức thuộc tính hoặc tiêu thức số lượng.

Nếu dùng tiêu thức phân tổ là tiêu thức thuộc tính, sau khi phân tổ tổng thể, các đơn vị tổng thể được phân phối vào trong các tổ và ta sẽ có một dãy số thuộc tính.

Nếu dùng tiêu thức phân tổ là tiêu thức số lượng, sau khi phân tổ tổng thể, các đơn vị tổng thể được phân phối vào trong các tổ và ta sẽ có một dãy số lượng biến.

***Câu 6***: Sau khi phân tổ tổng thể theo một tiêu thức nào đó, các đơn vị tổng thể được phân phối vào trong các tổ và ta sẽ có một dãy số thuộc tính.

***Câu 7***: Phân tổ có khoảng cách tổ chỉ được áp dụng trong trường hợp lượng biến của tiêu thức sắp xếp liên tục.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 6:*** Không chắc chắn, vì ta có thể dùng tiêu thức phân tổ là tiêu thức thuộc tính hoặc tiêu thức số lượng.

Nếu dùng tiêu thức phân tổ là tiêu thức thuộc tính, sau khi phân tổ tổng thể, các đơn vị tổng thể được phân phối vào trong các tổ và ta sẽ có một dãy số thuộc tính.

Nếu dùng tiêu thức phân tổ là tiêu thức số lượng, sau khi phân tổ tổng thể, các đơn vị tổng thể được phân phối vào trong các tổ và ta sẽ có một dãy số lượng biến.

***Câu 7***: Sai, vì Phân tổ có khoảng cách tổ hay không có khoảng cách tổ phụ thuộc vào sự biến thiên của các lượng biến.

NÕu l­îng biÕn cña d·y sè biÕn thiªn Ýt vµ chØ cã mét vµi trÞ sè th× d·y sè ph©n phèi kh«ng cÇn cã kho¶ng c¸ch tæ.

NÕu l­îng biÕn cña d·y sè biÕn thiªn trong ph¹m vi lín th× d·y sè ph©n phèi cÇn ph¶i cã kho¶ng c¸ch tæ.

Khi phân tổ theo khoảng cách tổ, nếu lượng biến của tiêu thức sắp xếp liên tục thì giới hạn trên của tổ trước trùng với giới hạn dưới của tổ sau liền nó. Trường hợp ngược lại, giới hạn trên của tổ trước nhỏ hơn giới hạn dưới của tổ san liền nó.

***Câu 8***: Phân tổ có khoảng cách tổ không chỉ được áp dụng trong trường hợp lượng biến của tiêu thức sắp xếp liên tục.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 8***: Đúng, vì Phân tổ có khoảng cách tổ hay không có khoảng cách tổ phụ thuộc vào sự biến thiên của các lượng biến.

NÕu l­îng biÕn cña d·y sè biÕn thiªn Ýt vµ chØ cã mét vµi trÞ sè th× d·y sè ph©n phèi kh«ng cÇn cã kho¶ng c¸ch tæ.

NÕu l­îng biÕn cña d·y sè biÕn thiªn trong ph¹m vi lín th× d·y sè ph©n phèi cÇn ph¶i cã kho¶ng c¸ch tæ.

Khi phân tổ theo khoảng cách tổ, nếu lượng biến của tiêu thức sắp xếp liên tục thì giới hạn trên của tổ trước trùng với giới hạn dưới của tổ sau liền nó. Trường hợp ngược lại, giới hạn trên của tổ trước nhỏ hơn giới hạn dưới của tổ sau liền nó.

**CHƯƠNG III**

**DỄ**

***Câu 14***: Số tuyệt đối thời điểm biểu hiện quy mô khối lượng của hiện tượng trong một độ dài thời gian nhất định.

***Câu 15***: Số tuyệt đối thời điểm phản ánh sự tích luỹ về lượng của hiện tượng trong suốt thời gian nghiên cứu.

***Câu 16***: Trong quá trình điều tra thống kê ta có thể trực tiếp thu thập được những số tương đối để phục vụ cho công tác nghiên cứu.

***Câu 17***: Chỉ có số tương đối động thái cần phải đảm bảo tính chất có thể so sánh được giữa các mức độ (cùng không gian, phương pháp tính, đơn vị tính, phạm vi tính).

***Câu 18***: Số tương đối nhiệm vụ kế hoạch là tỷ lệ so sánh giữa mức độ thực tế ở kỳ gốc với mức độ cần đạt tới của một chỉ tiêu nào đó.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 14***: Sai, vì Số tuyệt đối thời điểm biểu hiện quy mô khối lượng của hiện tượng trong một thời điểm nhất định

***Câu 15***: Sai, vì số tuyệt đối thời điểm có sự phản ánh trùng lặp nên chúng không thể cộng được (tích lũy được) trong thời gian nghiên cứu.

***Câu 16***: Sai, số tương đối không có sẵn trong thực tế, nó là kết quả so sánh giữa 2 chỉ tiêu thống kê đã có.

***Câu 17***: Sai, vì các số tương đối kÕ ho¹ch còng cÇn phải đảm bảo tính chất có thể so sánh được giữa các mức độ ở tö vµ mÉu sè nh­ sè t­¬ng ®èi ®éng th¸i.

***Câu 18***: Sai, vì Số tương đối nhiệm vụ kế hoạch là tỷ lệ so sánh giữa mức độ cần đạt tới của một chỉ tiêu nào đó với mức độ thực tế đã đạt được ở kỳ gốc

***Câu 19***: Công thức tính số tương đối thực hiện kế hoạch là .

***Câu 20***: Số tương đối nhiệm vụ kế hoạch là tỷ lệ so sánh giữa mức độ thực tế đạt được với mức độ kế hoạch đặt ra cùng kỳ của hiện tượng.

***Câu 21:*** Số tương đối kết cấu là kết quả so sánh trị số tuyệt đối cuả cả tổng thể với trị số tuyệt đối của từng bộ phận.

***Câu 22:*** Nhược điểm của mốt là san bằng, bù trừ chênh lệch giữa các lượng biến.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 19***: Sai vì số tương đối nhiệm vụ kế hoạch là tỷ lệ so sánh giữa mức độ cần đạt tới của chỉ tiêu nào đố trong kỳ kế hoạch với mức độ thực tế ấy ở kỳ gốc.

C«ng thøc tÝnh: 

***Câu 20***: Sai, vì Số tương đối thực hiện kế hoạch là tỷ lệ so sánh giữa mức độ thực tế đạt được với mức độ kế hoạch đặt ra cùng kỳ của hiện tượng.

***Câu 21***: Sai vì số tương đối kết cấu là kết quả so sánh trị số tuyệt đối của từng bộ phận với trị số tuyệt đối của cả tổng thể.

C«ng thøc tÝnh: 

***Câu 22:*** Sai, Mốt là lượng biến có tần số lớn nhất. Khi tính mốt ta không cần dựa vào giá trị của mọi lượng biến. Mốt biểu hiện mức độ đại biểu của hiện tượng mà không san bằng mọi chênh lệch giữa các lượng biến

***Câu 23***: Mốt là lượng biến tiêu thức của đơn vị đứng ở vị trí giữa trong dãy số lượng biến.

***Câu 24:*** Hạn chế của khoảng biến thiên là chỉ tính đến lượng biến lớn nhất và lượng biến nhỏ nhất nên sẽ không chính xác khi có lượng biến đột xuất.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 23***: Sai, Mốt là lượng biến có tần số lớn nhất. ***Số trung vị mới là*** lượng biến tiêu thức của đơn vị đứng ở vị trí chính giữa trong dãy số lượng biến.

***Câu 24:*** Đúng, vì khoảng biến thiên là độ lệch giữa lượng biến lớn nhất và lượng biến nhỏ nhất của tiêu thức nghiên cứu. R = Xmax - Xmin

Nh­ vậy kho¶ng biÕn thiªn lµ chØ phô thuéc vµo l­îng biÕn lín nhÊt vµ nhá nhÊt trong d¨y sè, kh«ng xÐt ®Õn c¸c l­îng biÕn kh¸c, cho nªn nhiÒu khi dÉn ®Õn nh÷ng nhËn xÐt ch­a hoµn toµn chÝnh x¸c.

**TRUNG BÌNH**

***Câu 22:*** Có thể dùng số tuyệt đối để so sánh hai hiện tượng cùng loại nhưng khác nhau về quy mô.

***Câu 23***: Có thể cộng các số tuyệt đối thời điểm lại với nhau để thành 1 số có thời kỳ dài hơn.

***Câu 24***: Không thể cộng các số tuyệt đối thời kỳ liền nhau để có số tuyệt đối của thời kỳ dài hơn.

***Câu 25***: Giá vàng tháng 3 tăng 10% so với tháng 2 là số tương đối động thái.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 22:*** Sai, vì sè tuyÖt ®èi trong thèng kª **biÓu hiÖn quy m« khèi l­îng** cña hiÖn t­îng kinh tÕ - x· héi trong ®iÒu kiÖn thêi gian vµ ®Þa ®iÓm cô thÓ.

NÕu so s¸nh hai hiện tượng khác nhau về quy mô phải dùng số tương đối.

***Câu 23***: Sai, v× gi÷a c¸c sè tuyÖt ®èi thêi ®iÓm cã sù ph¶n ¸nh trïng lÆp nªn kh«ng thể cộng các số tuyệt đối thời ®iÓm liền nhau để có một số tuyệt đối của thời kỳ dài hơn.

***Câu 24***: Sai, v× c¸c sè tuyÖt ®èi thêi kú kh«ng cã sù ph¶n ¸nh trïng lÆp nªn có thể cộng các số tuyệt đối thời kỳ liền nhau để có một số tuyệt đối của thời kỳ dài hơn.

***Câu 25***: Sai, vì số tương đối động thái là kết quả so sánh hai mức độ cùng loại của hiện tượng ở hai thời kỳ hay thời điểm khác nhau. Đây là chỉ tiêu tốc độ tăng, nó bằng tốc độ phát triển (số tương đối động thái) trừ đi 100%.

***Câu 26***: Số tương đối động thái được tính bằng thương số giữa số tương đối thực hiện kế hoạch và số tương đối nhiệm vụ kế hoạch.

***Câu 27***: Số tương đối không gian biểu hiện quan hệ so sánh giữa hiện tượng khác loại và khác nhau về không gian.

***Câu 28***: Số bình quân trong thống kê biểu hiện mức độ đại biểu theo một tiêu thức nào đó của hiện tượng kinh tế - xã hội.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 26***: Sai vì số tương đối động thái là kết quả so sánh hai mức độ cùng loại của hiện tượng ở hai thời kỳ hay thời điểm khác nhau.

C«ng thøc tÝnh: 

Hoặc Số tương đối động thái được tính bằng tích số giữa số tương đối thực hiện kế hoạch và số tương đối nhiệm vụ kế hoạch. t = KNK x KTK

***Câu 27***: Sai vì số tương đối không gian biểu hiện quan hệ so sánh gian biểu hiện quan hệ **so sánh giữa hai hiện tượng cùng loại** nhưng khác nhau về không gian.

***Câu 28***: Kh«ng ch¾c ch¾n. Sè b×nh qu©n trong thèng kª biÓu hiÖn møc ®é ®¹i biÓu theo mét tiªu thøc nµo ®ã cña **hiÖn t­­îng bao gåm nhiÒu ®¬n vÞ cïng lo¹i.** Nh­ vËy nÕu tổng thÓ bao gåm nhiÒu ®¬n vÞ kh¸c lo¹i kh«ng nªn tÝnh SBQ.

***Câu 29***: Số BQ cộng giản đơn là một dạng của số BQ cộng gia quyền.

***Câu 30***: Việc xác định tổ có chứa mốt luôn căn cứ vào tần số của các tổ.

***Câu 31***: Số trung vị không san bằng bù trừ chênh lệch giữa các lượng biến.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 29***: Đúng. Chóng ®­îc tÝnh tõ mét c«ng thøc tæng qu¸t:

Tổng lượng biến tiêu thức

 =

Tổng lượng tổng thể (Số đơn vị tổng thể)

Khi tÇn sè xuÊt hiÖn cña c¸c l­îng biÕn b»ng nhau, ta sö dông SBQ céng gi¶n ®¬n, tÇn sè kh¸c nhau ding SBQ céng gia quyÒn.

***Câu 30***: Sai. Nếu trÞ sè kho¶ng c¸ch c¸c tæ bằng nhau, tổ có chứa mốt là tổ có tần số tổ lớn nhất. Nếu trÞ sè kho¶ng c¸ch c¸c tæ kh«ng bằng nhau. Tổ chứa mốt là tổ có mật độ phân phối tổ lớn nhất. Nh­ vËy tr­êng hîp nµy c¨n cø ®Ó xác định tổ có chứa mốt lµ mËt ®é ph©n phèi tæ.

***Câu 31***: Đúng. Số trung vịlà lượng biến tiêu thức của đơn vị đứng ở vị trí chính giữa trong dãy số lượng biến. Khi tính trung vị ta không cần dựa vào giá trị của mọi lượng biến. Số trung vị biểu hiện mức độ đại biểu của hiện tượng mà không san bằng mọi chênh lệch giữa các lượng biến

***Câu 32***: Phương sai là số bình quân nhân của bình phương các độ lệch giữa lượng biến với số bình quân của các lượng biến đó.

***Câu 33***: Phương sai là chỉ tiêu hoàn thiện nhất và thường dùng nhất trong phân tích thống kê cũng như những lĩnh vực khác.

***Câu 34***: Hệ số biến thiên dùng để so sánh độ biến thiên tiêu thức của các hiện tượng cùng loại và có số số bình quân bằng nhau.

***Câu 35:*** Hệ số biến thiên không cho phép so sánh sự biến thiên của hai lượng biến khác loại trong khi các chỉ tiêu đo độ biến thiên khác cho phép làm điều đó.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 32***: Sai, vì Ph­¬ng sai lµ sè b×nh qu©n céng cña b×nh ph­¬ng c¸c ®é lÖch gi÷a l­îng biÕn víi sè b×nh qu©n cña c¸c l­îng biÕn ®ã. C«ng thøc tÝnh nh­ sau:

 và 

***Câu 33***: Sai, vì Ph­¬ng sai lµm khuyÕch ®¹i trÞ sè cña ®é lÖch vµ lµm cho ®¬n vÞ tÝnh trÞ sè cña chØ tiªu kh«ng phï hîp víi thùc tÕ.

***Câu 34***: Đúng, ngoài ra hệ số biến thiên có thÓ dïng ®Ó so s¸nh độ biÕn thiªn tiªu thøc cña c¸c hiÖn t­îng kh¸c nhau, hoÆc gi÷a c¸c hiÖn t­îng cïng lo¹i nh­ng cã sè b×nh qu©n kh«ng b»ng nhau.

***Câu 35:*** Sai, vì Hệ số biến thiên có thÓ dïng ®Ó so s¸nh độ biÕn thiªn tiªu thøc cña c¸c hiÖn t­îng kh¸c nhau, hoÆc gi÷a c¸c hiÖn t­îng cïng lo¹i nh­ng cã sè b×nh qu©n kh«ng b»ng nhau.

**KHÓ**

***Câu 9***: Số công nhân tại một công ty vào ngày 01/02/M là 300 công nhân. Do yêu cầu công việc nên ngày 01/3/M có thêm 30 người. Vậy tổng số công nhân trong 2 tháng của công ty là 330 người.

***Câu 10:*** Số sinh viên nam bằng 120% so với số sinh viên nữ trong cùng lớp là số tương đối không gian.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 9***: Sai, vì số CN của công ty vào 1/2 và 1/3 là các số thời điểm. Muốn tính số CN trong 2 tháng ta phải có số liệu số CN cuối tháng 3 rồi căn cứ vào các số thời điểm để tính số CN bình quân của 2 tháng.

***Câu 10***: Sai vì số tương đối không gian biểu hiện quan hệ so sánh gian biểu hiện quan hệ **so sánh giữa hai hiện tượng cùng loại** nhưng khác nhau về không gian.

Đây là số tương đối so sánh (so sánh 2 bộ phận trong cùng một tổng thể)***Câu11***: Trong công thức tính số bình quân điều hoà  thì  là tổng lượng biến tiêu thức.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu11***: Không chắc chắn, vì 

di là tỷ trọng các bộ phận trong tổng thể. ∑= 1 lÇn hay 100 tuú theo ®¬n vÞ tÝnh di.  là tổng lượng biến tiêu thức khi và chỉ khi  (hoặc = 1).

***Câu 12***: Trong công thức tính số bình quân điều hoà giản đơn  thì n là tổng lượng tổng thể.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 12***: Sai vì công thức số BQ giản đơn chỉ sử dụng được khi chỉ tiêu của các lượng biến bằng nhau, tức là: M1 = M2 = ... = Mn = M. C«ng thøc số BQ điều hòa gia quyền

sÏ cã d¹ng: 

*Khi đó n là số bộ phận của tổng thể*

***Câu13***: Trong công thức tính số bình quân cộng  thì  luôn là tổng lượng biến tiêu thức.

***Câu 14***: Trong công thức tính số bình quân cộng gia quyền thì  luôn là tổng lượng tổng thể.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu13***: Sai, vì 

di là tỷ trọng các bộ phận trong tổng thể. ∑= 100 hay 1 lần tuú theo ®¬n vÞ tÝnh di.

 là tổng lượng biến tiêu thức khi và chỉ khi = 100

(không thể bằng 1 vì tổng thể có 1 lượng biến thì không cần tính số BQ).

***Câu 14***: Sai, vì 

di là tỷ trọng các bộ phận trong tổng thể. ∑= 100 hay 1 lần tuú theo ®¬n vÞ tÝnh di.

 là tổng lượng tổng thể khi và chỉ khi = 100

(không thể bằng 1 vì tổng thể có 1 lượng biến thì không cần tính số BQ).

***Câu 15***: Trong công thức tính số bình quân cộng giản đơn  thì  luôn là tổng lượng biến tiêu thức.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 15***: Sai, vì công thức tính số bình quân cộng giản đơn sử dụng khi tần số xuất hiện của các lượng biến bằng nhau, tức là ****

Khi đó ****

** và có thể bằng 1 hoặc khác 1.**

**Nếu = 1 thì**  **là** tổng lượng biến tiêu thức

**≠ 1 thì** **,** không phải là tổng lượng biến tiêu thức

***Câu 16***: Trong công thức tính số bình quân cộng giản đơn  thì n luôn là tổng lượng tổng thể.

***Câu 17***: Độ lệch tiêu chuẩn là chỉ tiêu hoàn thiện nhất và thường dùng nhất trong phân tích thống kê cũng như những lĩnh vực khác.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 16***: Sai, vì công thức tính số bình quân cộng giản đơn sử dụng khi tần số xuất hiện của các lượng biến bằng nhau, tức là ****

Khi đó ****

** và có thể bằng 1 hoặc khác 1.**

**Nếu = 1 thì**  **là** tổng lượng tổng thể.

**≠ 1 thì** **,** n không phải là tổng lượng tổng thể.

***Câu 17***: Đúng. V× c¸c chØ tiªu kho¶ng biÕn thiªn, ®é lÖch tuyÖt ®èi BQ, ph­¬ng sai ®Òu cã nhiÒu nh­îc ®iÓm.

VÝ dô: chØ tiªu kho¶ng biÕn thiªn chØ xÐt tíi gi¸ trÞ cña hai l­îng biÕn lín vµ nhá nhÊt, kh«ng xÐt gi¸ trÞ cña c¸c l­îng biÕn kh¸c nªn nhËn xÐt nhiÒu khi kh«ng chÝnh x¸c;

§é lÖch tuyÖt ®èi BQ chØ tÝnh trÞ sè tuyÖt ®èi cña ®é lÖch mµ kh«ng xÐt ®Õn dÊu céng, trõ (-) cña ®é lÖch; Ph­¬ng sai lµm khuyÕch ®¹i trÞ sè cña ®é lÖch vµ lµm cho ®¬n vÞ tÝnh trÞ sè cña chØ tiªu kh«ng phï hîp víi thùc tÕ.

**CHƯƠNG IV**

**Dễ**

***Câu 25***: Tác dụng của dãy số thời gian là chỉ nêu lên xu hướng biến động của hiện tượng.

***Câu 26*:** Lượng tăng (hoặc giảm) tuyệt đối phản ánh sự biến động của hiện tượng vể số tương đối?

***Câu 27:*** Lượng tăng giảm tuyệt đối định gốc là chênh lệch giữa các mức độ kỳ nghiên cứu và mức độ của kỳ đứng liền trước đó.

***Câu 28***: Tổng đại số các lượng tăng giảm tuyệt đối liên hoàn bằng lượng tăng giảm tuyệt đối định gốc.

***Câu 29:*** Tốc độ phát triển là chỉ tiêu tương đối nói lên nhịp điệu tăng giảm của hiện tượng qua một thời kỳ nhất định.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 25***: Sai, vì ngoài tác dụng trên dãy số thời gian còn có thể dự đoán mức độ của hiện tượng trong tương lai dựa trên cơ sở xu hướng phát triển của hiện tượng.

***Câu 26*:** Sai, vì Lượng tăng (hoặc giảm) tuyệt đối là hiÖu sè (chªnh lÖch) gi÷a hai møc ®é trong d·y sè. ChØ tiªu nµy ph¶n ¸nh sù thay ®æi vÒ trÞ sè tuyÖt ®èi cña chØ tiªu gi÷a hai thêi gian nghiªn cøu**.**

***Câu 27:*** Sai, vìLượng tăng giảm tuyệt đối định gốc là chênh lệch giữa các mức độ kỳ nghiên cứu và mức độ của kỳ được coi là gốc cố định.

***Câu 28***: Đúng, Gi÷a l­îng t¨ng (hoÆc gi¶m) tuyÖt ®èi liªn hoµn vµ ®Þnh gèc cã mèi quan hÖ với nhau, cụ thể: tổng đại số các lượng tăng giảm tuyệt đối liên hoàn bằng lượng tăng giảm tuyệt đối định gốc. Σ i = Δi 

***Câu 29:*** Sai, vì Tốc độ phát triển lµ tû sè so s¸nh gi÷a hai møc ®é trong mét d·y sè.

*ChØ tiªu nµy ph¶n ¸nh xu h­íng ph¸t triÓn cña hiÖn t­îng qua thêi gian.*

***Câu 30***: Thương số của các tốc độ phát triển liên hoàn bằng tốc độ phát triển định gốc.

***Câu 31***: Dự đoán dựa trên lượng tăng giảm tuyệt đối BQ chỉ nên thực hiện với dãy số thời gian có các mức độ cùng tăng (giảm) với một tốc độ tăng (giảm) gần như nhau.

***Câu 32***: Phương pháp dự đoán dựa trên tốc độ phát triển BQ chỉ nên thực hiện với dãy số thời gian có các mức độ cùng tăng (giảm) với một lượng tuyệt đối gần như nhau.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 30***: Sai, vì trong cùng một dãy số tích của các tốc độ phát triển liên hoàn bằng tốc độ phát triển định gốc.

***Câu 31***: Sai vì lượng tăng giảm tuyệt đối bình quân lµ sè b×nh qu©n cña cáclượng tăng giảm tuyệt đối **liªn hoµn trong d·y sè.** Phương pháp dự đoán dựa trên lượng tăng giảm tuyệt đối bình quân được sử dụng khi các lượng tăng giảm tuyệt đối liên hoàn trong dãy số xấp xỉ nhau.

***Câu 32***: Sai vì tèc ®é ph¸t triÓn b×nh qu©n l**µ sè b×nh qu©n cña c¸c tèc ®é ph¸t triÓn liªn hoµn trong d·y sè.** Phương pháp dự đoán dựa trên tốc độ phát triển bình quân được sử dụng khi các tốc độ phát triển liên hoàn hoặc tốc độ tăng (giảm) liên hoàn xấp xỉ nhau.

***Câu33***: Chỉ số là số tương đối vì vậy tất cả số tương đối đều là chỉ số.

***Câu 34***: Đặc điểm của phương pháp chỉ số là khi có nhiều nhân tố cùng tham gia tính toán chỉ số, một số nhân tố được cố định, một số nhân tố còn lại thay đổi.

***Câu 35***: Tác dụng của phương pháp chỉ số là biểu hiện biến động của hiện tượng kinh tế xã hội qua từng địa điểm khác nhau.

***Câu 36***: Phương pháp chỉ số là phương pháp mang tính chất tổng hợp, không mang tính chất phân tích.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 33***: Sai vì không phải số tương đối nào cũng là chỉ số.

Tõ sè t­¬ng ®èi ®éng th¸i ta cã thÓ x©y dùng ®­îc chØ sè ph¸t triÓn.

Tõ c¸c sè t­¬ng ®èi kÕ ho¹ch ta cã thÓ x©y dùng ®­îc c¸c chØ sè kÕ ho¹ch

Tõ sè t­¬ng ®èi kh«ng gian ta cã thÓ x©y dùng ®­îc chØ sè kh«ng gian.

Tõ c¸c sè t­¬ng ®èi kÕt cÊu, c­êng ®é vµ sè t­¬ng ®èi so s¸nh hai bé phËn trong cïng tæng thÓ ta kh«ng thÓ x©y dùng ®­îc c¸c chØ sè t­¬ng øng.

***Câu 34***: Sai vì khi có nhiều nhân tố cùng tham gia tính toán chỉ số **thì chØ một nhân tố thay đổi** còn các nhân tố khác được cố định lại thành quyền số.

***Câu 35***: Sai, vì ngoài tác dụng trên, phương pháp chỉ số còn biểu hiện biến động của hiện tượng qua thời gian, biểu hiện nhiệm vụ kế hoạch, tình hình kế hoạch vµ ph©n tÝch vai trß vµ ¶nh h­ëng biÕn ®éng cña tõng nh©n tè ®èi víi biÕn ®éng cña toµn bé hiÖn t­¬ng kinh tÕ phøc t¹p.

***Câu 36***: Sai. Mét trong c¸c tác dụng của phương pháp chỉ số lµ ph©n tÝch vai trß vµ ¶nh h­ëng cña tõng nh©n tè ®èi víi biÕn ®éng cña toµn bé hiÖn t­¬ng kinh tÕ phøc t¹p. Thùc chÊt ®©y còng lµ viÖc ph©n tÝch mèi liªn hÖ nh»m nªu lªn c¸c nguyªn nh©n quyÕt ®Þnh sù biÕn ®éng cña hiÖn t­îng phøc t¹p, tÝnh to¸n cô thÓ ¶nh h­ëng cña mçi nguyªn nh©n nµy.

**TRUNG BÌNH**

***Câu 36***: Đối với dãy số thời kỳ, mức độ BQ theo thời gian chính là mức độ bình quân của từng nhóm hai mức độ kế tiếp nhau.

***Câu 37***: Đối với dãy số thời điểm có khoảng cách thời gian bằng nhau, mức độ BQ theo thời gian chính là mức độ bình quân của từng nhóm hai mức độ kế tiếp nhau.

***Câu 38***: Đối với dãy số thời điểm có khoảng cách thời gian không bằng nhau, mức độ BQ theo thời gian chính là mức độ bình quân của từng nhóm hai mức độ kế tiếp nhau.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 36***: Sai, vì để tính mức độ theo thời gian của dãy số thời kỳ ta phải tính như sau:

**** 

***Câu 37***: Đúng. Vì:

  

***Câu 38***: Sai vì để tính mức độ theo thời gian của dãy số thời điểm có khoảng cách thời gian không bằng nhau chúng ta phải tính như sau:



***Câu 39***: Lượng tăng (giảm) tuyệt đối bình quân chính là lượng bình quân tăng (giảm) của các lượng tăng giảm tuyệt đối liên hoàn.

***Câu 40***: Tổng đại số các lượng tăng (giảm) tuyệt đối định gốc bằng lượng tăng (giảm) tuyệt đối liên hoàn.

***Câu 41***: Tốc độ phát triển định gốc bằng tổng đại số các tốc độ phát triển liên hoàn.

***Câu 42*:** Tốc độ tăng (giảm) phản ánh sự biến động của hiện tượng vể số tương đối.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 39***: Đúng, vì ***L­îng t¨ng (hoÆc gi¶m) tuyÖt ®èi b×nh qu©n***lµ sè b×nh qu©n cña c¸c l­îng t¨ng (hoÆc gi¶m) tuyÖt ®èi liªn hoµn trong d·y sè. C«ng thøc tÝnh nh­ sau:



***Câu 40***: Sai, vì Giữa các lượng tăng giảm tuyệt đối định gốc không có mối quan hệ tổng số vì chúng có mối liên hệ trùng lặp. Ngược lại, tổng đại số các lượng tăng giảm tuyệt đối liên hoàn bằng lượng tăng giảm tuyệt đối định gốc.

***Câu 41***: Sai, vì các tốc độ phát triển không có mối quan hệ tổng. Trong cùng một dãy số tích của các tốc độ phát triển liên hoàn bằng tốc độ phát triển định gốc.

***Câu 42*:** Đúng vì tốc độ tăng (giảm) lµ tû sè so s¸nh gi÷a l­îng t¨ng (gi¶m) tuyÖt ®èi víi møc ®é kú gèc. ChØ tiªu nµy ph¶n ¸nh møc ®é cña hiÖn t­îng nghiªn cøu gi÷a hai thêi gian ®· t¨ng (+) hoÆc gi¶m (-) bao nhiªu lÇn (hoÆc bao nhiªu phÇn tr¨m*).*

***Câu 43***: Tốc độ tăng (giảm) liên hoàn là tỷ số so sánh giữa lượng tăng hoặc giảm liên hoàn với mức độ kỳ gốc cố định.

***Câu 44***: Tốc độ tăng (giảm) định gốc là tỷ số so sánh giữa lượng tăng hoặc giảm liên hoàn với mức độ kỳ gốc cố định.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 43***: Sai, vìTèc ®é t¨ng (hoÆc gi¶m) liªn hoµn ( ai )lµ tû sè so s¸nh gi÷a l­îng t¨ng (hoÆc gi¶m) liªn hoµn víi møc ®é kú gèc liªn hoµn, nghÜa lµ:

Lượng tăng (giảm) tuyệt đối liên hoàn

ai =

Mức độ kỳ gốc liên hoàn

***Câu 44***: Sai. Vi nó la ty sô so sanh giua luong tang (hoÆc gi¶m) ®Þnh gèc víi møc ®é kú gèc cè ®Þnh, nghÜa lµ:

Lượng tăng (giảm) tuyệt đối định gốc

Ai =

Mức độ kỳ gốc cố định

**KHÓ**

Trả lời đúng, sai, kh«ng ch¾c ch¾n và giải thích ngắn gọn các câu hỏi sau:

***Câu 18***: Đối với dãy số tương đối, mức độ BQ theo thời gian được tính giống như đối với dãy số tuyệt đối.

***Câu 19***: Đối với dãy số bình quân, mức độ BQ theo thời gian được tính giống như đối với dãy số tuyệt đối.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 18***: Sai, vì các mức độ trong dãy số tương đối không thể cộng trực tiếp được với nhau. Để tính mức độ theo thời gian của dãy số tương đối ta phải đưa dãy số tương đối về 2 dãy số tuyệt đối tương ứng (dãy tử số, dãy mẫu số), sau đó tính mức độ BQ theo thời gian của 2 dãy số tuyệt đối (dãy tử số, dãy mẫu số). Cuối cùng so sánh 2 mức độ bình quân với nhau.

***Câu 19***: Sai, vì các mức độ trong dãy số bình quân không thể cộng trực tiếp được với nhau. Để tính mức độ theo thời gian của dãy số BQ ta phải đưa dãy số BQ về 2 dãy số tuyệt đối tương ứng (dãy tử số, dãy mẫu số), sau đó tính mức độ BQ theo thời gian của 2 dãy số tuyệt đối (dãy tử số, dãy mẫu số). Cuối cùng so sánh 2 mức độ bình quân với nhau.

***Câu 20***: Lượng tăng giảm tuyệt đối bình quân chính là lượng bình quân tăng giảm của các lượng tăng giảm tuyệt đối định gốc.

***Câu 21***: Nghiên cứu giá trị của chỉ tiêu lượng tăng giảm tuyệt đối chính là sự vận dụng kết hợp số tương đối và tuyệt đối.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 20***: Sai, vì ***L­îng t¨ng (hoÆc gi¶m) tuyÖt ®èi b×nh qu©n***lµ sè b×nh qu©n cña c¸c l­îng t¨ng (hoÆc gi¶m) tuyÖt ®èi liªn hoµn trong d·y sè. C«ng thøc tÝnh nh­ sau:

 = 

Giữa các lượng tăng giảm tuyệt đối định gốc không có mối quan hệ tổng số vì chúng có mối liên hệ trùng lặp.

***Câu 21***: Sai, vì Lượng tăng (hoặc giảm) tuyệt đối là hiÖu sè (chªnh lÖch) gi÷a hai møc ®é trong d·y sè. ChØ tiªu nµy ph¶n ¸nh sù thay ®æi vÒ trÞ sè tuyÖt ®èi cña chØ tiªu gi÷a hai thêi gian nghiªn cøu**,** khôngcó mối quan hệ so sánh với một chỉ tiêu nào đó nên không có sự vận dụng số tương đối.

Hai chØ tiªu tèc ®é tăng (giảm) vµ gi¸ trÞ tuyÖt ®èi cña 1% t¨ng (gi¶m) chính là sự vận dụng kết hợp số tương đối và tuyệt đối. C«ng thøc tÝnh :

L­îng t¨ng (gi¶m) tuyÖt ®èi

Tèc ®é t¨ng (giảm) =

Møc ®é kú gèc

L­îng t¨ng (gi¶m) tuyÖt ®èi

Gi¸ trÞ tuyÖt ®èi 1% t¨ng (gi¶m) =

Tèc ®é t¨ng gi¶m

***Câu 22*:** Tốc độ tăng (hoặc giảm) phản ánh sự thay đổi về trị số tuyệt đối của chỉ tiêu giữa hai thời gian nghiên cứu

***Câu 23***: Giá trị tuyệt đối của 1% tăng giảm liên hoàn là một trị số không đổi.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 22*:** Sai, vì Tốc độ tăng (hoặc giảm) lµ tû sè so s¸nh gi÷a l­îng t¨ng (gi¶m) tuyÖt ®èi víi møc ®é kú gèc. ChØ tiªu nµy ph¶n ¸nh møc ®é cña hiÖn t­îng nghiªn cøu gi÷a hai thêi gian ®· t¨ng (+) hoÆc gi¶m (-) bao nhiªu lÇn (hoÆc bao nhiªu phÇn tr¨m*).*

Lượng tăng (hoặc giảm) tuyệt đối mới là chØ tiªu nµy ph¶n ¸nh sù thay ®æi vÒ trÞ sè tuyÖt ®èi cña chØ tiªu gi÷a hai thêi gian nghiªn cøu**.**

***Câu 23***: Sai, vì giá trị tuyệt đối của 1% tăng giảm liên hoàn lµ tû sè so s¸nh gi÷a l­îng t¨ng (gi¶m) tuyÖt ®èi liªn hoµn víi tèc ®é t¨ng gi¶m liªn hoµn ( ai tính bằng đơn vị %)



- mức độ kỳ gốc liên hoàn là một trị số luôn thay đổi nên luôn thay đổi.

***Câu 24***: Giá trị tuyệt đối của 1% tăng giảm định gốc là một trị số không đổi.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 24***: Đúng, vì giá trị tuyệt đối của 1% tăng giảm định gốc lµ tû sè so s¸nh gi÷a l­îng t¨ng (gi¶m) tuyÖt ®èi định gốc víi tèc ®é t¨ng gi¶m định gốc ( Ai tính bằng đơn vị %).



- mức độ kỳ gốc cố định là một trị số không thay đổi nên gi¸ trÞ tuyệt đối của 1% tăng giảm ®Þnh gèc cña tÊt c¶ c¸c n¨m ®Òu b»ng nhau, b»ng 1% cña n¨m gèc y1.

***Câu 25***: Tổng đại số các giá trị tuyệt đối của 1% tăng giảm liên hoàn bằng giá trị tuyệt đối 1% tăng giảm định gốc (tức ).

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 25***: Sai Giá trị tuyệt đối của 1% tăng giảm ®Þnh gèc ®­îc tÝnh theo c«ng thøc:

 

Nh­ vËy gi¸ trÞ tuyệt đối của 1% tăng giảm ®Þnh gèc cña tÊt c¶ c¸c n¨m ®Òu b»ng nhau, b»ng 1% cña n¨m gèc y1.

Giá trị tuyệt đối của 1% tăng (giảm) liên hoàn ®­îc tÝnh b»ng c«ng thøc:

 

vµ 

**CHƯƠNG V**

**DỄ**

***Câu 37***: Nghiên cứu chỉ số chung cho phép thấy được sự biến động của từng phân tử, đơn vị cá biệt của hiện tượng phức tạp.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 37***: Sai, vì nghiên cứu chỉ số chung cho phép thấy được sự biến động của tất cả các phân tử, đơn vị cá biệt của hiện tượng phức tạp. Chỉ số cá thể cho phép nghiên cứu biến động của từng phân tử, từng đơn vị cá biệt của hiện tượng phức tạp.

**TRUNG BÌNH**

***Câu 45***: Công thức tính chỉ số giá theo phương pháp chỉ số liên hợp đang dùng hiện nay chưa loại trừ được hoàn toàn ảnh hưởng của khối lượng hàng hoá đến biến động của giá cả.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 45***: Đúng. Công thức tính chỉ số giá theo phương pháp chỉ số liên hợp đang dùng hiện nay được biểu hiện bằng công thức: 

ChØ sè trªn ph¶n ¸nh biÕn ®éng cña gi¸ b¸n c¸c mÆt hµng qua 2 kú nh­ng chưa loại trừ được hoàn toàn ảnh hưởng của khối lượng hàng hoá đến biến động của giá cả v× gi÷a q1 vµ q0 ®· cã sù thay ®æi.

***Câu 46***: Khi xây dựng chỉ số liên hợp cho khối lượng hàng hoá tiêu thụ thì quyền số được chọn là giá cả hàng hoá.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 46***: Đúng, vì giá cả và lượng hàng hóa tiêu thụ có mối quan hệ với nhau qua phương trình kinh tế sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tæng møc tiªu thô hµng hãa | = | ∑ (Gi¸ c¶ x L­îng hµng hãa tiªu thô) |

Ta sö dông ®Æc ®iÓm thø hai cña ph­¬ng ph¸p chØ sè: khi cã nhiÒu nh©n tè cïng tham gia vµo viÖc tÝnh to¸n chØ sè, ph¶i gi¶ ®Þnh chØ cã mét nh©n tè thay ®æi, cßn c¸c nh©n tè kh¸c th× kh«ng thay ®æi. V× vËy ®Ó nghiªn cøu biÕn ®éng cña riªng gi¸ c¶ c¸c mÆt hµng, ta ph¶i t¹m thêi cè ®Þnh sù biÕn ®éng cña l­îng hµng hãa tiªu thô l¹i.

ChØ sè chung vÒ gi¸ c¶ sÏ ®­îc tÝnh dùa vµo c«ng thøc: Ip = 

Trong c«ng thøc trªn nh©n tè l­îng hµng ho¸ tiªu thô (q) ®ãng vai trß quyÒn sè.

Khi tÝnh chØ sè chung vÒ vËt gi¸ thùc tÕ cã hai kh¶ n¨ng chän quyÒn sè.

- QuyÒn sè lµ l­îng hµng hãa ®­îc tiªu thô kú gèc (q0) →Ip = 

- QuyÒn sè lµ l­îng hµng hãa ®­îc tiªu thô kú nghiªn cøu (q1)→ Ip = 

***Câu 47***: Nếu tính chỉ số không gian cho khối lượng hàng hoá tiêu thụ trên hai thì trường A và B, quyền số chỉ có thể là giá bình quân của từng mặt hàng.

***Câu 48***: Nếu tính chỉ số kế hoạch cho giá cả hàng hoá thì quyền số chỉ có thể là lượng hàng hóa tiêu thụ theo kế hoạch của từng mặt hàng.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 47***: Sai, vì ngoài c«ng thøc tÝnh Iq (A/B) =  vµ Iq (B/A) =  (quyền số là giá bình quân của từng mặt hàng), ng­êi ta cã thÓ dïng quyÒn sè lµ l­îng lao ®éng hao phÝ b×nh qu©n cho mçi ®¬n vÞ s¶n phÈm  (tÝnh b×nh qu©n cho hai hoÆc nhiÒu xÝ nghiÖp ®Þa ph­¬ng). Khi ®ã:

Iq (A/B) =  vµ Iq (B/A) = 

***Câu 48***: Sai, bởi vì khi xây dựng các chỉ số kế hoạch cho giá cả hàng hoá thì ngoài quyền số là lượng hàng hóa tiêu thụ theo kế hoạch của từng mặt hàng (Sử dụng khi kế hoạch mặt hàng là pháp lệnh, buộc doanh nghiệp phải tuân thủ) người ta thường sử dụng quyền số là lượng hàng hóa tiêu thụ kỳ nghiên cứu (giống như trong chỉ số phát triển).

Ví dụ chỉ sè thùc hiÖn kÕ ho¹ch h¹ gi¸ thµnh s¶n phÈm có dạng:

- Víi quyÒn sè q1 :  Víi quyÒn sè qKH Iz = 

***Câu 49***: Nếu tính chỉ số kế hoạch cho khối lượng hàng hoá sản xuất ra quyền số chỉ có thể là giá thành kế hoạch của từng mặt hàng.

***Câu 50:*** Chỉ số cấu thành khả biến nghiên cứu đồng thời biến động của bản thân tiêu thức nghiên cứu và kết cấu tổng thể.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 49***: sai, bởi vì khi xây dựng các chỉ số kế hoạch cho khối lượng hàng hoá sản xuất thì ngoài quyền số là giá thành theo kế hoạch của từng SP (Sử dụng khi giá thành kế hoạch của từng mặt hàng là pháp lệnh, buộc doanh nghiệp phải tuân thủ) người ta thường sử dụng quyền số là giá thành SP kỳ gốc (giống như trong chỉ số phát triển).

Iq(KH) =  và Iq(TH) = 

***Câu 50:*** Đúng. C«ng thøc tÝnh: 

Ta nhËn thÊy chØ sè nµy phản ánh **biÕn ®éng cña c¶ hai nh©n tè**: b¶n th©n tiªu thøc nghiªn cøu xi vµ c¶ kết cấu tổng thể (tû träng) fi/Σfi .

***Câu 51:*** Chỉ số cấu thành cố định nghiên cứu đồng thời biến động của bản thân tiêu thức nghiên cứu và kết cấu tổng thể.

***Câu 52***: Chỉ số cấu thành cố định phản ánh biến động của tổng lượng biến tiêu thức nghiên cứu.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 51:*** Sai v× chØ sè cÊu thµnh cè ®Þnh, nªu lªn biÕn ®éng **cña chØ tiªu b×nh qu©n do ¶nh h­ëng cña bản thân tiªu thøc nghiªn cøu** (chØ cã b¶n th©n tiªu thøc nghiªn cøu xi biÕn ®éng), kÕt cÊu cña tæng thÓ fi/Σfi ®­îc cè ®Þnh ë kú nghiªn cøu.

Ix =  = 

***Câu 52***: Sai v× chØ sè cÊu thµnh cè ®Þnh, nªu lªn biÕn ®éng **cña chØ tiªu b×nh qu©n do ¶nh h­ëng cña bản thân tiªu thøc nghiªn cøu** (chØ cã b¶n th©n tiªu thøc nghiªn cøu xi biÕn ®éng), kÕt cÊu cña tæng thÓ fi/Σfi ®­îc cè ®Þnh ë kú nghiªn cøu.

Ix =  = 

***Câu 53***: Quyền số trong chỉ số và quyền số trong số BQ chỉ khác nhau ở tác dụng?

***Câu 54:*** Việc chọn quyền số trong chỉ số và quyền số trong số BQ không có sự khác biệt?

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 53***: Sai, vì quyền số trong chỉ số và quyền số trong số BQ không chỉ khác nhau về tác dụng, (quyền số trong chỉ số đóng vai trò làm thông ước chung, làm cho các phần tử vốn không thể cộng trực tiếp được với nhau trở về dạng đồng nhất để cộng được với nhau và so sánh), mà cßn kh¸c nhau vÒ mét sè ®iÓm kh¸c. VÝ dô quyÒn sè trong chØ sè cßn phải chọn thời gian hoặc không gian, nghĩa là nó cã thêi gian (hoÆc kh«ng gian).

***Câu 54:*** Sai, vì quyền số trong chỉ số và quyền số trong số BQ có hai điểm khác biệt lớn: Thứ nhất, khác nhau về tác dụng, quyền số trong chỉ số đóng vai trò làm thông ước chung, làm cho các phần tử vốn không thể cộng trực tiếp được với nhau trở về dạng đồng nhất để cộng được với nhau và so sánh.

Thứ hai, cßn phải chọn thời gian hoặc không gian cho quyÒn sè trong chØ sè, nghĩa là quyền số trong chỉ số cã thêi gian (hoÆc kh«ng gian).

***Câu 55:*** Trong chỉ số phát triển chỉ số toàn bộ bằng tích các chỉ số bộ phận?

***Câu 56***: Chỉ số phát triển biểu hiện biến động của hiện tượng trong điều kiện thời gian, không gian khác nhau?

***Câu 57***: Chỉ số không gian biểu hiện biến động của hiện tượng trong điều kiện thời gian, không gian khác nhau?

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 55:*** §óng. C¬ së ®Ó h×nh thµnh mét hÖ thèng chØ sè lµ mèi liªn hÖ kinh tÕ gi÷a c¸c chØ tiªu kinh tÕ, th­êng ®­îc biÓu hiÖn b»ng c¸c ph­¬ng tr×nh kinh tÕ... V× vËy, ®Ó x©y dùng mét hÖ thèng chØ sè ta sÏ dùa vµo ph­¬ng tr×nh kinh tÕ ®ã.

VÝ dô: Dùa vµo ph­¬ng tr×nh kinh tÕ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tæng møc  lu©n chuyÓn hµng hãa | = | ∑ (gi¸ c¶ x l­îng hµng hãa tiªu thô) |

Ipq = Ip x Iq → 

***Câu 56***: Sai vì chỉ số phát triển biểu hiện biến động của hiện tượng trong điều kiện thời gian kh¸c nhau nh­ng cïng không gian.

***Câu 57***: Sai vì chỉ số không gian chỉ biểu hiện biến động của hiện tượng trong những điều kiện không gian khác nhau nh­ng cïng thêi gian .

**KHÓ**  
***Câu 26***: Khi dùng phương pháp chỉ số bình quân để tính chỉ số phát triển cho giá, quyền số của chỉ số đó là lượng hàng hoá tiêu thụ kỳ nghiên cứu.

***Câu 27:*** Khi dùng phương pháp chỉ số bình quân để tính chỉ số phát triển cho lượng hàng hóa tiêu thụ, quyền số của chỉ số đó là giá bán kỳ gốc.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 26***: Sai vì c«ng thøc tÝnh chỉ số bình quân để tính chỉ số phát triển cho giá lµ:

 hoặc 

quyền số của chỉ số BQ là mức tiêu thụ hàng hóa ở kỳ nghiên cứu hoặc quyền số d1 - tû träng cña bé phËn kú nghiªn cøu.

***Câu 27:*** Sai vì c«ng thøc tÝnh chỉ số bình quân để tính chỉ số phát triển cho lượng hàng hóa tiêu thụ lµ:  quyền số là mức tiêu thụ hàng hóa thực tế ở kỳ gốc.

Hoặc  quyền số do - tû träng bé phËn kú gèc.

***Câu 28***: Khi tính chỉ số so sánh giá cả giữa hai thị trường A và B chỉ có thể sử dụng quyền số là tổng khối lượng hàng hoá tiêu thụ ở cả hai thị trường cho từng mặt hàng.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 28***: Sai, vì ngoài c«ng thøc tÝnh:

Ip(A/B) =  Ip (B/A) =  **Q= **dïnglµm quyÒn sè

Chúng ta cũng có thể chọn quyền số là lượng hàng hóa tiêu thụ của thị trường A. Khi đó Ip (A/B) = 

Chúng ta cũng có thể chọn quyền số là lượng hàng hóa tiêu thụ của thị trường B. Khi đó Ip (A/B) =

Nhưng nh÷ng c¸ch tÝnh to¸n nh­ vËy cã thÓ cho kÕt qu¶ rÊt kh¸c nhau, cã khi tr¸i ng­îc h¼n víi nhau.

***Câu 29***: Khi tính chỉ số so sánh giá cả giữa hai thị trường A và B chỉ có thể sử dụng quyền số là lượng hàng hoá tiêu thụ ở thị trường A (hoặc B) cho từng mặt hàng.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 29***: Sai, vì ngoài c«ng thøc tÝnh: Ip (A/B) =  (Qsố là q của thị trường A)

(quyền số là lượng hàng hóa tiêu thụ của thị trường B) Ip (A/B) =

**Ng­êi ta th­êng sử dụng** quyền số là tổng khối lượng hàng hoá tiêu thụ ở cả hai thị trường cho từng mặt hàng.

Ip(A/B) =  Ip (B/A) =  **Q= **dïnglµm quyÒn sè

***Câu 30***: Nếu tính chỉ số không gian cho khối lượng hàng hoá tiêu thụ trên hai thị trường A và B, quyền số chỉ có thể là giá cố định của từng mặt hàng do Nhà nước quy định.

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 30:*** Sai vì nhiều khi sản phẩm ra đời rồi nhưng giá cố định chưa có hoÆc gi¸ ®¬n vÞ SP kh«ng lín, kh«ng cÇn thiÕt ph¶i dïng gi¸ cè ®Þnh. Ng­êi ta th­êng sử dụng giá bình quân từng loại hàng, cã thÓ dïng quyÒn sè lµ l­îng lao ®éng hao phÝ b×nh qu©n cho mçi ®¬n vÞ s¶n phÈm  (tÝnh b×nh qu©n cho hai hoÆc nhiÒu xÝ nghiÖp ®Þa ph­¬ng).

C«ng thøc tÝnh:  =  Khi ®ã:

Iq (A/B) =  vµ Iq (B/A) = 

Iq (A/B) =  vµ Iq (B/A) = 

***Câu 31***: Để phản ánh chỉ số tổng hợp về giá bán người ta chỉ dùng chỉ số bình quân gia quyền của các chỉ số cá thể về giá?

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 31***: Sai. Chỉ số tổng hợp về giá ®­îc tÝnh theo c¸c c«ng thøc kh¸c nhau, tuú theo nguån tµi liÖu cã thÓ tÝnh chỉ số phát triển (theo chØ sè liªn hîp hoÆc chØ sè BQ - chỉ số bình quân gia quyền của các chỉ số cá thể về giá) để thấy được biến động chung về giá bán các mặt hàng qua hai kỳ : Ip =  vµ 

Cũng có thể dùng chỉ số không gian để so sánh biến động chung về giá bán giữa hai thị trường: Ip(A/B) =  hoặc Ip (B/A) = 

Cũng có thể dùng chỉ số kế hoạch để tổng hợp nhiệm vụ kế hoạch hoặc tình hình thực hiện kế hoạch về giá của các mặt hàng

***Câu 32***: Để phản ánh chỉ số tổng hợp về lượng hàng hóa tiêu thụ người ta chỉ dùng chỉ số bình quân gia quyền của các chỉ số cá thể về lượng hàng hóa tiêu thụ?

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 32***: Sai. Chỉ số tổng hợp về lượng hàng hóa tiêu thụ ®­îc tÝnh theo c¸c c«ng thøc kh¸c nhau, tuú theo nguån tµi liÖu cã thÓ tÝnh chỉ số phát triển (theo chØ sè liªn hîp hoÆc chØ sè BQ - chỉ số bình quân gia quyền của các chỉ số cá thể về lượng hàng hóa tiêu thụ) để thấy được biến động chung về lượng hàng hóa tiêu thụ của các mặt hàng qua hai kỳ :  và .

Cũng có thể dùng chỉ số không gian để so sánh biến động chung về lượng hàng hóa tiêu thụ giữa hai thị trường: Iq (A/B) =  hoặc Iq (B/A) = 

Cũng có thể dùng chỉ số kế hoạch để tổng hợp nhiệm vụ kế hoạch hoặc tình hình thực hiện kế hoạch về lượng hàng hóa tiêu thụ của các mặt hàng.

***Câu 33:*** Trong chỉ số không gian chỉ số toàn bộ bằng tích các chỉ số bộ phận?

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 33:*** Sai, vì trong chØ sè kh«ng gian:

Ip(A/B) =  Iq (A/B) =  



Tức là 

***Câu 34:*** Có nhiều mô hình khác nhau phân tích biến động của tổng lượng biến tiêu thức?

**Phần II: Đáp án câu hỏi, bài tập**

***Câu 34:*** Đúng.

VÝ dụ m« h×nh 1: Tổng CPSX = Σ (Gía thành đơn vị SP x Sản lượng)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CS tæng chi phÝ SX | = | CS gi¸ thµnh x CS khèi l­îng s¶n phÈm SX |

Izq = Iz x Iq vµ  =  x 

M« h×nh 2: Tổng CPSX = Gi¸ thµnh BQ × Tæng s¶n l­îng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CS tæng chi phÝ SX | = | CS gi¸ thµnh BQ x CS Tæng s¶n l­îng |



MH 3: Tổng CPSX = Σ (Gía thành đơn vị sp x kÕt cÊu l­îng HH SX × ΣSản lượng)

